

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày: 10.5.2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn V Hà Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thành.

Bà V Thị Minh Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh** – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông **Mai Văn Hùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Bùi Tuấn V (Tý), sinh năm 1993 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn L, sinh năm 1957 và bà: Phan Thị S (Chết); có vợ là Trần Thị Lệ H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2013: Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/01/2010, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 18 tháng (Quyết định số 08/QĐ-UB-NC);

Hoạt động bản thân: Ngày 19/4/2019, bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” (Bản án số 11/2019/HS-ST).

Bị cáo bị bắt ngày 04/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L. (Có mặt)

* **Bị hại:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968 - Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1965 - Nơi cư trú: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Có mặt. Có mặt

* **Người làm chứng:**

1. Anh **Hồ Tinh T**, sinh năm: 1992; (Vắng mặt)

2. Bà **Trần Thị Nghi G**, sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Phước H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04/12/2018, Bùi Tuấn V mượn xe mô tô hiệu Nouvo BKS 29V4 – 3962 của bà Lê Thị T (mẹ vợ cũ của V) để chở con đi học. Sau đó, V quay về nhà bà T lấy 01 con dao xếp bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe đi từ huyện Hàm Tân, xuống thị xã L, với mục đích có ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì chiếm đoạt. Đến khoảng hơn 09 giờ cùng ngày, khi V đi vào một hẻm đất bên đường Hoàng Hoa Thám, thuộc khu phố 2, phường P, thị xã L thì thấy bà Nguyễn Thị L đi bộ một mình, ngược chiều với V, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng. Ngay lúc này, V nảy sinh ý định cướp giật tài sản nên điều khiển xe mô tô áp sát rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền của bà L, nhưng bà L kịp thời nắm tay của V, làm ngã xe và sợi dây chuyền rơi xuống đất. V định dựng xe tẩu thoát thì bà Linh chạy đến giữ xe lại, V rút dao hù dọa, tuy nhiên, khi bà L truy hô, người dân chạy ra thì V bỏ xe lại, rồi chạy bộ ra phía bờ sông Dinh. Sau đó, V đón xe bus về lại Hàm Tân.

Theo kết luận định giá tài sản số 115/KL-ĐGTS, ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã L thì sợi dây chuyền mà Bùi Tuấn V chiếm đoạt của bà Linh có trị giá là 6.807.400 đồng.

Về vật chứng vụ án: gồm 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 610, trọng lượng 2,46 chỉ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị L theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 24/12/2018; 01 xe mô tô hiệu Nouvo BKS 29V4 – 3962 và 01 chiếc áo khoác màu vàng (có mũ trùm đầu) hiện đã chuyển sang Chi cục thi hành án thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2019. Riêng con dao xếp, bị cáo đã ném trên đường tẩu thoát, không truy tìm được.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 12/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, truy tố bị cáo Bùi Tuấn V, về tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Tuấn V, phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Bùi Tuấn V, mức án tù: 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

***Về vật chứng:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Trả lại xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 29 V4-3962 cho bà Lê Thị Tư;
- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu vàng (có mũ trùm đầu) của bị cáo Bùi Tuấn V.

*** Ý kiến của bị cáo Bùi Tuấn V:** Đồng ý với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

*** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Tư:** Mong Hội đồng xét xử xem xét cho nhận lại chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại.

*** Bị cáo Bùi Tuấn V nói lời sau cùng:** Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo Bùi Tuấn V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án, người làm chứng, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng hơn 09 giờ ngày 04/12/2018, tại hẻm đất bên đường Hoàng Hoa Thám, thuộc khu phố 2, phường Phước H, thị xã L, Bùi Tuấn V đã có hành vi điều khiển xe mô tô áp sát, dùng tay giật sợi dây chuyền trị giá 6.807.400 của bà Nguyễn Thị L rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự thì:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;”

Như vậy, việc bị cáo V có hành vi chiếm đoạt tài sản một cách công khai và nhanh chóng tẩu thoát đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Mặt khác, việc bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Bùi Tuấn V về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng với mong muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả, bị cáo đã lợi dụng ngoại cảnh đường vắng, đối tượng nữ giới sức phản kháng yếu để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, tạo tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa, khi sử dụng phương tiện là xe mô tô – là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi cướp giật, là bị cáo đã đưa bị hại và chính mình tình huống nguy hiểm nếu xảy ra trường hợp rủi ro. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu: vào ngày 28/01/2010, bị áp dụng biện pháp đưa vào trường Giáo dưỡng thời hạn 18 tháng và ngày 19/4/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Do đó, cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi, trả lại cho bị hại và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự, quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với hành vi của bà Lê Thị T: Do bà T không biết bị cáo V dùng xe mô tô nhãn hiệu Nouvo BKS 29 V4-3962 để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, khi mượn xe mô tô trên, bị cáo nói là để chở con đi học nên bà đồng ý, vì vậy cơ quan điều tra, truy tố không đề nghị xử lý là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với sợi dây chuyền vàng 610, trọng lượng 2,46 chỉ, là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Linh nên CQĐT đã trả lại cho bà Linh là phù hợp;

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo BKS 29 V4-3962, qua điều tra là tài sản của bà Lê Thị T mua lại từ người khác với giá 3.300.000 đồng, khi mua bán không làm giấy tờ gì, chỉ giao tiền và nhận giấy đăng ký xe. Xét, chiếc xe trên tuy có nguồn gốc không rõ ràng nhưng quá trình bà Tư sử dụng xe không có phát sinh tranh chấp gì. Chiếc xe cũng không thuộc trường hợp tịch thu sung công hay tịch thu tiêu hủy theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, cần trả lại cho bà Tư, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Đối với 01 chiếc áo khoác màu vàng (có mũ trùm đầu), là áo của bị cáo sử dụng khi chiếm đoạt tài sản của bà L, là tài sản riêng của bị cáo, nhưng bị cáo có ý kiến không nhận lại. Xét thấy, đây là vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Tuấn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Tuấn V phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn V **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.**
Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày **04/12/2018**.

Về vật chứng: Trả lại cho bà Lê Thị T 01 xe mô tô Yamaha Nouvo BKS 29V4-3962, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác; Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu vàng (có mũ trùm đầu). Hiện các vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/3/2019.

Về án phí: Bị cáo Bùi Tuấn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**10/5/2019**). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN V HÀ LINH